

Số: 159/QĐ - ĐHVH

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận các học phần tiếng anh đầu vào cho sinh viên khóa 49

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

Căn cứ Quyết định số 4993/QĐ-BCT ngày 03/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung;

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-ĐHVH ngày 12 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-ĐHVH ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học của trường ĐHCN Việt - Hung;

Căn cứ vào Kế hoạch số 11/KH-ĐHVH ngày 26/01/2026 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN Việt - Hung về việc tổ chức kiểm tra trình độ tiếng anh đầu vào cho sinh viên K49;

*Căn cứ kết quả kiểm tra đầu vào trình độ tiếng anh đầu vào của sinh viên khóa 49;
Theo đề nghị của ông phụ trách phòng QLĐT.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các học phần tiếng anh đầu vào cho sinh viên khóa 49 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các sinh viên có tên tại Điều 1 được miễn các học phần tiếng anh theo kết quả kiểm tra đầu vào trình độ ngoại ngữ của sinh viên khóa 49.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị, các cá nhân liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các P. Hiệu trưởng;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Thị Hồng Chinh



DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 49 ĐƯỢC MIỄN CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 184/QĐ-ĐHVH ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung)

TOÀN TRƯỜNG																			Ghi chú	
STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Thang điểm 100			Tổng điểm	Học phần tiếng Anh được miễn	ĐIỂM HỌC PHẦN TIẾNG ANH ĐƯỢC MIỄN (Thang điểm 100)				ĐIỂM HỆ 10 CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH ĐƯỢC MIỄN				
							Nghe (25%)	Nói (25%)	Trắc nghiệm (50%)			TA 1	TA 2	TA 3	TA 4	TA 1	TA 2	TA 3		TA 4
1	2500217	Trần Mạnh	Dũng	Nam	05/03/2007	K4918ĐH-CKO	60.0	60.0	67.5	63.75	TA1, TA2, TA3	63.75	63.75	63.75		6.4	6.4	6.4	-	
2	2501031	Chu Thị Thu	Hà	Nữ	19/10/2003	K4918ĐH-CNKT-DDT	72.0	40.0	70.0	63.00	TA1, TA2, TA3	63.00	63.00	63.00		6.3	6.3	6.3	-	
3	2500716	Nguyễn Đình	Hiếu	Nam	15/02/2007	K4918ĐH-CNKT-DDT	20.0	40.0	67.5	48.75	TA1	48.75				4.9	-	-	-	
4	2500885	Nguyễn Quách Thành	Long	Nam	03/06/2007	K4918ĐH-KH-MT	60.0	50.0	67.5	61.25	TA1, TA2, TA3	61.25	61.25	61.25		6.1	6.1	6.1	-	
5	2500451	Trần Quang	Minh	Nam	18/02/2007	K4918ĐH-CNTT	56.0	70.0	85.0	74.00	TA1, TA2, TA3, TA4	74.00	74.00	74.00	74.00	7.4	7.4	7.4	7.4	
6	2500522	Lương Đỗ Nguyên	Phương	Nam	08/05/2007	K4918ĐH-CNKT-DDT	52.0	50.0	62.5	56.75	TA1, TA2	56.75	56.75			5.7	5.7	-	-	
7	2500886	Bùi Tuấn	Tú	Nam	26/03/2007	K4918ĐH-CNKT-DDT	52.0	40.0	50.0	48.00	TA1	48.00				4.8	-	-	-	
8	2500792	Lê Hà Quốc	Cường	Nam	23/04/2007	K4928ĐH-CKO	36.0	65.0	32.5	41.50	TA1	41.50				4.2	-	-	-	
9	2500934	Nguyễn Tuấn	Hoàng	Nam	22/01/2007	K4928ĐH-CKO	68.0	80.0	62.5	68.25	TA1, TA2, TA3	68.25	68.25	68.25		6.8	6.8	6.8	-	
10	2500509	Dương Minh	Khải	Nam	02/08/2007	K4928ĐH-CNKT-DDT	60.0	90.0	70.0	72.50	TA1, TA2, TA3, TA4	72.50	72.50	72.50	72.50	7.3	7.3	7.3	7.3	
11	2500098	Nguyễn Vũ Hùng	Phong	Nam	07/05/2006	K4928ĐH-CKO	80.0	65.0	60.0	66.25	TA1, TA2, TA3	66.25	66.25	66.25		6.6	6.6	6.6	-	
12	2500751	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	16/11/2007	K4928ĐH-CNKT-DDT	96.0	30.0	82.5	72.75	TA1, TA2, TA3, TA4	72.75	72.75	72.75	72.75	7.3	7.3	7.3	7.3	
13	2500834	Nguyễn Danh	Thắng	Nam	01/09/2007	K4928ĐH-CKO	28.0	60.0	52.5	48.25	TA1	48.25				4.8	-	-	-	
14	2500135	Lê Tiến	Thành	Nam	30/09/2007	K4928ĐH-CTM	32.0	60.0	65.0	55.50	TA1, TA2	55.50	55.50			5.6	5.6	-	-	
15	2500825	Hoàng Bảo	Thiện	Nam	22/05/2007	K4928ĐH-CTM	56.0	60.0	52.5	55.25	TA1, TA2	55.25	55.25			5.5	5.5	-	-	
16	2500397	Nguyễn Thục	Anh	Nữ	13/08/2007	K4928ĐH-CNTT	67.0	80.0	65.0	69.25	TA1, TA2, TA3	69.25	69.25	69.25		6.9	6.9	6.9	-	
17	2500260	Trần Quân	Bảo	Nam	05/12/2007	K4999ĐH-CNTT	63.0	85.0	70.0	72.00	TA1, TA2, TA3, TA4	72.00	72.00	72.00	72.00	7.2	7.2	7.2	7.2	
18	2500779	Hoàng Khánh	Duy	Nam	09/08/2007	K4928ĐH-CNTT	42.0	40.0	72.5	56.75	TA1, TA2	56.75	56.75			5.7	5.7	-	-	
19	2500051	Nguyễn Ngọc	Giang	Nam	20/06/2007	K4999ĐH-CNTT	33.0	60.0	40.0	43.25	TA1	43.25				4.3	-	-	-	
20	2500360	Nguyễn Đỗ Minh	Hoàng	Nam	30/10/2007	K4999ĐH-CKO	29.0	60.0	50.0	47.25	TA1	47.25				4.7	-	-	-	

TOÀN TRƯỞNG																			Ghi chú	
STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Thang điểm 100			Tổng điểm	Học phần tiếng Anh được miễn	ĐIỂM HỌC PHẦN TIẾNG ANH ĐƯỢC MIỄN (Thang điểm 100)				ĐIỂM HỆ 10 CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH ĐƯỢC MIỄN				
							Nghe (25%)	Nói (25%)	Trắc nghiệm (50%)			TA 1	TA 2	TA 3	TA 4	TA 1	TA 2	TA 3		TA 4
21	2500413	Đặng Lê	Hưng	Nam	09/03/2007	K4999ĐH-CKO	63.0	60.0	30.0	45.75	TA1	45.75				4.6	-	-	-	
22	2500406	Nguyễn Tiến	Hường	Nam	16/05/2007	K4999ĐH-CKO	29.0	20.0	67.5	46.00	TA1	46.00				4.6	-	-	-	
23	2500762	Nguyễn Đình Lâm	Huy	Nam	20/07/2007	K4999ĐH-CKO	42.0	60.0	47.5	49.25	TA1	49.25				4.9	-	-	-	
24	2500595	Đào Đức	Minh	Nam	26/02/2007	K4999ĐH-CKO	38.0	80.0	67.5	63.25	TA1, TA2, TA3	63.25	63.25	63.25		6.3	6.3	6.3	-	
25	2501044	Lê Hà	My	Nữ	04/06/2005	K4999ĐH-CNTT	33.0	70.0	37.5	44.50	TA1	44.50				4.5	-	-	-	
26	2500289	Trần Anh	Quân	Nam	09/06/2007	K4999ĐH-CKO	29.0	40.0	82.5	58.50	TA1, TA2	58.50	58.50			5.9	5.9	-	-	
27	2500972	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	20/10/2007	K4999ĐH-QTKD	83.0	85.0	72.5	78.25	TA1, TA2, TA3, TA4	78.25	78.25	78.25	78.25	7.8	7.8	7.8	7.8	

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

GIÁM HIỆU DUYỆT

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TT NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

NGƯỜI LẬP BIỂU



TS. Bùi Thị Hồng Chinh

Le gia d

Khương Thu Hải

Khương Thu Hải

Đào Hải Quân

Đào Hải Quân